

Bản án số: **01/2024/HS-ST**
Ngày 03-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Thẩm phán Ông Trần Văn Nhum

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Tuyết
2. Bà Lương Thị Diệu
3. Ông Điều Bách

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Thư-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Lua-Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Bùi Văn H**, sinh năm 1975 tại Hải Phòng

Nơi cư trú có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số A đường N, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H1 và bà Lê Thị L; có vợ là bà Hoàng Thị T và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2007; có 02 tiền án: Bị xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 13/2015/HSST ngày 04/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai và bị xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 102/2017/HSST ngày 22/8/2017; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2004 bị xử phạt 07 tháng tù, năm 2011 bị xử phạt 07 tháng tù đều về tội trộm cắp tài sản; bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/10/2022 cho đến nay “có mặt”

2. Bị cáo **Trần Tuấn V**, sinh năm 1995 tại Cà Mau

Nơi có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú ở hiện tại: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H2 và bà Lê Thị N; có vợ là bà

Nguyễn Thị Cẩm N1; có 02 tiền án: Bị xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 70/HSST ngày 15/8/2017 của Toà án nhân dân huyện C, nay là thị xã C, tỉnh Bình Phước và bị xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 08/2017/HSST ngày 19/12/2017 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/10/2022 cho đến nay “có mặt”

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông **Ngô Quốc C**-Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B “có mặt”

- *Bị hại:* Ông **Lee Chi Y**, sinh ngày 12/01/1971 “vắng mặt”

Có hộ chiếu số: 360418282 do Đài Loan-Trung Quốc cấp ngày 21/3/2022

Nơi cư trú tại địa chỉ: P Ký túc xá Công ty F thuộc Khu Công nghiệp B, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Người phiên dịch: Bà **Mã Thúc Y1**, sinh năm 1983 “vắng mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: 4 đường H, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Hoàng Thị T**, sinh năm 1976 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Số 1022 đường Nguyễn Văn L, khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm N1**, sinh năm 1996 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp G, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nợ tiền nhiều người không có khả năng trả nên bị cáo Bùi Văn H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền trả nợ. Khoảng 08 giờ ngày 10/10/2022, bị cáo H điều khiển xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 61B2-154.96 đi từ thành phố T, tỉnh Bình Dương đến phòng trọ của bị cáo Trần Tuấn V tại khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, rủ bị cáo V đi lên tỉnh Bình Phước có công việc thì bị cáo V đồng ý. Bị cáo H để xe mô tô của bị cáo H tại phòng trọ của bị cáo V, rồi ngồi phía sau xe mô tô của bị cáo V hiệu Exciter 150 màu xanh, biển kiểm soát 59B1-873.29 cùng đi. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đến khu vực Khu Công nghiệp Đ, thuộc thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, bị cáo H nói bị cáo V vào tiệm vật liệu xây dựng (không rõ tên bảng hiệu, địa chỉ) để bị cáo H mua 01 nón bảo hộ lao động màu trắng, lúc này bị cáo H nói cho bị cáo V biết ý định đi lên tỉnh Bình Phước là để trộm cắp tài sản thì bị cáo V đồng ý cùng tham gia. Bị cáo V chở bị cáo H đi lòng vòng trong Khu Công nghiệp Đ nhưng không tìm được Công ty nào có sơ hở để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó, bị cáo H nói bị cáo V điều khiển xe mô tô đi đến Khu Công nghiệp B thuộc khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Khi đến trước Công ty F, qua quan sát các bị cáo H và V phát hiện có nhiều công nhân đội mũ bảo hộ, mặc áo bảo hộ lao động màu vàng xanh ra vào cổng không bị lực lượng bảo vệ kiểm tra, bị cáo H nói bị cáo V chở bị cáo H đến tiệm bán đồ bảo hộ lao động (không rõ biển hiệu và địa chỉ) mua một áo bảo hộ lao động màu vàng xanh để bị cáo H mặc giả làm công nhân lẫn trốn vào trong công ty.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo V chở bị cáo H đến cổng chính Công ty F, lúc này bị cáo H mặc áo bảo hộ lao động màu vàng xanh, đầu đội mũ bảo hộ màu trắng đi qua cổng chính mà không bị lực lượng bảo vệ kiểm tra, bị cáo V điều khiển xe đến khu vực bên ngoài hàng rào Công ty đứng chờ bị cáo H. Sau khi vào được bên trong, bị cáo H đi đến khu ký túc xá của người nước ngoài nằm trong khuôn viên của Công ty F, bị cáo H nhìn thấy cửa phòng ở số A của ông Lee Chi Y khép hờ, bị cáo H đẩy cửa đi vào trong, mở hộc nhỏ bên trong tủ gỗ (loại 02 cánh) đặt trong phòng, lấy trong túi nylon màu xanh số tiền 480.000.000 đồng tiền Việt Nam, lấy trong bì thư màu đỏ 7.463 đô la Mỹ và 514 nhân dân tệ Trung Quốc rồi giấu số tiền và ngoại tệ trên vừa lấy được vào trong mũ bảo hộ, trèo qua hàng rào bên hông Công ty, lên xe mô tô của bị cáo V đứng chờ bên ngoài chạy trốn về hướng tỉnh Bình Dương.

Khi đến khu vực thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, để che dấu hành vi phạm tội, bị cáo V và bị cáo H để xe mô tô lại một tiệm sửa xe bên đường (không rõ biển hiệu) để thay toàn bộ tem xe từ màu xanh thành màu đỏ-đen, rồi cả hai thuê taxi G (không rõ biển kiểm sát) để về phòng trọ của bị cáo V. Tại đây, bị cáo H kiểm tra tài sản trộm cắp được rồi chia cho bị cáo V 240.000.000 đồng, 3.500 đô la Mỹ, 10 tờ nhân dân tệ Trung Quốc, còn lại 240.000.000 đồng, 3.963 đô la Mỹ, 25 tờ tiền nhân dân tệ Trung Quốc bị cáo H giữ để tiêu xài và trả nợ cho người tên Hoàng H3 (không rõ nhân thân, địa chỉ nơi ở, nơi làm việc) 110.000.000 đồng, trả cho người tên D “Cò Đất” (không rõ nhân thân, địa chỉ nơi ở, nơi làm việc) 60.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo H mang về nhà tại khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cất giấu gồm 70.000.000 đồng, 3.963 đô la Mỹ và 25 tờ nhân dân tệ Trung Quốc.

Số tiền được chia bị cáo V mua 02 xe mô tô hết 78.000.000 đồng (01 xe hiệu Sirius, 01 xe hiệu Future), tại cửa hàng “T” và “T” thuộc Khu Công nghiệp M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, để làm phương tiện đi lại; gửi vào tài khoản của vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm N1 số tiền 150.000.000 đồng; tiêu xài 7.750.000 đồng, còn lại 4.250.000 đồng cất giữ trong người; số tiền 3.500 đô la Mỹ, 10 tờ nhân dân tệ Trung Quốc bị cáo V cất giấu tại phòng trọ.

Đôi xe mô tô Exciter 150 màu xanh, biển kiểm soát: 59B1-873.29 của bị cáo V chở bị cáo H đi trộm cắp tài sản, để che dấu hành vi phạm tội, ngày 11/10/2022 bị cáo V đã bán xe mô tô trên cho người tên “G” ở thành phố D, tỉnh Bình Dương (không rõ nhân thân lai lịch, nơi ở và nơi làm việc) với giá là 12.000.000 đồng, đã tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất số tài sản trên, ông Lee Chi Y đã đến Công an huyện Đ trình báo. Sau khi tiếp nhận tin báo của ông Lee Chi Y, Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra, xác minh và xác định các bị cáo Bùi Văn H và Trần Tuấn V là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên. Ngày 23/10/2022, Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh bắt để tạm giam đối với các bị cáo H và V, quá trình bắt giữ đã thu giữ được số tài sản trộm cắp mà các bị cáo đang cất giữ (BL 271 -274; 278 – 280), cụ thể:

- Thu giữ của bị cáo Bùi Văn H (BL 721 – 274), gồm: 01 xe mô tô Biển kiểm soát: 61B2-154.96, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu đen; số khung RLHJC7639KY046887; số tiền 70.000.000 đồng; 01 áo vải dài tay, màu xanh, hiệu Vĩnh Tiến size 42; 01 đôi giày màu đen nhãn hiệu NTT, không rõ size; 01 quần vải dài màu đen, không rõ nhãn hiệu, size; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Nokia 105, màu xanh, số seri: 353482159884470; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A23, màu đen, số Imei: 353220822984446; 47 tờ tiền ngoại tệ trên mỗi tờ tiền có in dòng chữ “THE UNITED STATES OF AMERICA”, trong đó 39 tờ in số 100, 03 tờ in số 1, 02 tờ in số 5, 02 tờ in số 20 và 01 tờ in số 10; tổng cộng là 3.963 đô la Mỹ; 25 tờ tiền nhân dân tệ Trung Quốc; 01 túi nilon màu xanh, dạng có 02 quai xách, kích thước 30x20cm; số tiền 170.000.000 đồng do vợ của bị cáo Bùi Văn H là bà Hoàng Thị T tự nguyện giao nộp (BL 284).

- Thu giữ của bị cáo Trần Tuấn V (BL 278 – 280), gồm: số tiền 4.250.000 đồng; 01 xe mô tô Biển kiểm soát: 69F1-713.57, nhãn hiệu Honda, loại SH, màu đỏ; số máy KF26E-0061758; 01 xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xanh; số khung 119412, số máy 0320222; 01 xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – đỏ; số khung RLCUE3740LY140757, số máy E32VE565169; 01 áo khoác, màu xám-đen, nhãn hiệu ALTA MODA, size XXL; 01 đôi dép da loại 01 quai, màu đen, nhãn hiệu THE NORTH FACE, không rõ size; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, nhãn hiệu nón S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno4, màu đen, số Imei: 861728043742455; 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng V1 chi nhánh B mang tên Nguyễn Thị Kim N2; 35 tờ tiền ngoại tệ trên mỗi tờ tiền có in số 100 và in dòng chữ “THE UNITED STATES OF AMERICA”, tổng cộng 3.500 đô la Mỹ và 10 tờ tiền nhân dân tệ Trung Quốc; số tiền 150.000.000 đồng do vợ của bị cáo Trần Tuấn V là bà Nguyễn Thị Cẩm N1 tự nguyện giao nộp (BL 283).

Tại bản Kết luận giám định số 6522/KL-KTHS ngày 12/12/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh-Bộ C1 kết luận: 117 tờ tiền ngoại tệ thu giữ được trong quá trình khám xét nơi ở của Bùi Văn H và Trần Tuấn V, trong đó 99 tờ tiền ngoại tệ có ký hiệu từ A1 đến A99 là tiền thật. Không tiến hành giám định 18 tờ tiền ngoại tệ có ký hiệu A100 đến A117 vì không có mẫu so sánh tương ứng. (BL 299 – 300)

Tại Kết luận định giá tài sản 66/KL-HĐĐGTS ngày 30/12/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng Hình sự huyện Đ kết luận: 7.463 đô la Mỹ và 514 nhân dân tệ Trung Quốc tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 10/10/2022 là 176.487.904 đồng (BL 302)

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKSBP-P1 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố và tại phiên toà đề nghị đối với 02 bị cáo như sau:

1. Bị cáo Bùi Văn H bị truy tố về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù;
2. Bị cáo Trần Tuấn V bị truy tố về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù.

Còn quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn H một mức án 12 năm tù, xử phạt bị cáo Trần Tuấn V từ 10 năm đến 11 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở trên. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các kết luận giám định, vật chứng của vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu riêng về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Đây là vụ án đồng phạm nên cần phải làm rõ vai trò, tính chất và mức độ tham gia phạm tội và trách nhiệm đối với từng bị cáo như sau:

[2.1] Đối với bị cáo Bùi Văn H là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện và rủ rê bị cáo Trần Tuấn V cùng lén lút chiếm đoạt của bị hại ông Lee Chi Y số tiền 480.000.000 đồng, 7.463 đô la Mỹ và 514 nhân dân tệ Trung Quốc quy đổi thành 176.487.904 đồng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 656.487.904 đồng. Xét bị cáo có nhân thân rất xấu về hành vi trộm cắp tài sản và có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm minh, tương xứng, phù hợp để trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường, khắc phục thiệt hại cho bị hại, gia đình bị cáo có công với Cách mạng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[2.2] Đối với bị cáo Trần Tuấn V là người đồng phạm với bị cáo Bùi Văn H với vai trò là người giúp sức tích cực, được chia gần một nửa tài sản chiếm đoạt được nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng và phù hợp. Xét bị cáo có nhân thân xấu và có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm minh, tương xứng, phù hợp để trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3] Về xử lý vật chứng đã được xử lý theo quy định của pháp luật nên không xử lý lại nữa, còn những vật chứng chưa được xử lý thì được xử lý như sau:

- Đối với 03 điện thoại di động: (1) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh, số seri: 353482159884470; (2) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A23, màu đen, số I: 353220822984446; (3) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno4, màu đen, số I: 861728043742455 đều là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo Bùi Văn H, Trần Tuấn V nên cần phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 áo vải dài tay, màu xanh, hiệu Vĩnh Tiến size 42; 01 đôi giày màu đen nhãn hiệu NTT, không rõ size; 01 quần vải dài màu đen, không rõ nhãn hiệu, size; 01 túi nilon màu xanh, dạng có 02 quai xách, kích thước 30x20cm; 01 áo khoác, màu xám – đen, nhãn hiệu ALTA MODA, size XXL; 01 đôi dép da loại 01 quai, màu đen, nhãn hiệu THE NORTH FACE, không rõ size; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, nhãn hiệu nón S, đều do không có giá trị và không sử dụng được nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 03 xe mô tô: (1) xe mô tô Biển kiểm soát: 69F1-713.57, nhãn hiệu Honda, loại SH, màu đỏ; số máy KF26E-0061758; (2) xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xanh; số khung 119412, số máy 0320222; (3) xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-đỏ; số khung RLCUE3740LY140757, số máy E32VE565169; đều là tài sản của bị cáo Trần Tuấn V (trong đó có 02 xe mô tô bị cáo sử dụng số tiền chiếm đoạt của bị hại để mua) nhưng do bị cáo Trần Tuấn V chưa trả hết số tiền chiếm đoạt cho bị hại là 85.750.000 đồng nên cần phải tạm giữ để đảm bảo thi hành án về việc bị cáo Trần Tuấn V phải trả lại số tiền chiếm đoạt còn lại trên của bị cáo cho bị hại ông Lee Chi Y.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 61B2-154.96, nhãn hiệu Honda, loại Future; số khung RLHJC7639KY046887 là tài sản hợp pháp của bị cáo Bùi Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nên trả lại cho bị cáo Bùi Văn H.

- Đối với 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng V1 chi nhánh B mang tên Nguyễn Thị Cẩm N1 là chứng cứ của vụ án nên cần phải lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đối với toàn bộ số tiền ngoại tệ đô la Mỹ và nhân dân tệ Trung Quốc được thu giữ và đã trả lại đầy đủ cho ông Lee Chi Y. Còn số tiền 480.000.000 đồng thì bị hại ông Lee Chi Y yêu cầu các bị cáo H và V phải hoàn trả toàn bộ. Bị cáo H đã trả lại toàn bộ số tiền được chia là 240.000.000 đồng cho bị hại. Còn bị cáo V, gia đình bị cáo V đã khắc phục trả lại cho bị hại được 154.250.000 đồng, còn lại là 85.750.000 đồng thì buộc bị cáo V phải trả tiếp cho bị hại đầy đủ.

[5] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Văn H, Trần Tuấn V phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Tuấn V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

7. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Trần Tuấn V cùng phạm tội trộm cắp tài sản.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

2.1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn H 13 (mười ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 23/10/2022.**

2.2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Tuấn V 12 (mười hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 23/10/2022.**

7. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 46, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Trần Tuấn V phải trả đầy đủ cho bị hại ông Lee Chi Y số tiền 85.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các điện thoại di động sau: (1) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh, số seri: 353482159884470; (2) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A23, màu đen, số I: 353220822984446; (3) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno4, màu đen, số I: 861728043742455.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo vải dài tay, màu xanh, hiệu Vĩnh Tiến size 42; 01 đôi giày màu đen nhãn hiệu NTT, không rõ size; 01 quần vải dài màu đen, không rõ nhãn hiệu, size; 01 túi nilon màu xanh, dạng có 02 quai xách, kích thước 30x20cm; 01 áo khoác, màu xám – đen, nhãn hiệu ALTA MODA, size XXL; 01 đôi dép da loại 01 quai, màu đen, nhãn hiệu THE NORTH FACE, không rõ size; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, nhãn hiệu nón S.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị hại 03 xe mô tô sau đây: (1) xe mô tô Biển kiểm soát: 69F1-713.57, nhãn hiệu Honda, loại SH, màu đỏ; số máy KF26E-0061758; (2) xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xanh; số khung 119412, số máy 0320222; (3) xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-đỏ; số khung RLCUE3740LY140757, số máy E32VE565169.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn H: 01 xe mô tô biển kiểm soát: 61B2-154.96, nhãn hiệu Honda, loại Future; số khung RLHJC7639KY046887.
- Lưu hồ sơ vụ án 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng V1 chi nhánh B mang tên Nguyễn Thị Cẩm N1.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Văn H, Trần Tuấn V, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Tuấn V phải nộp 4.287.000 đồng.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Toà án ND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước;
- CQCSĐT – CA tỉnh Bình Phước;
- CQTHAHS – CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV06; Cơ quan CSĐT;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân